TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HSST
Ngày: 20/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoằng

Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 271/2024/TLST – HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Công D, Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17 tháng 02 năm 1993 tại Gia Lai; Nơi thường trú: Tổ F, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công L, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ là Phan Thị Hồng H1, sinh năm 1999 và có một con sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Công D bị tạm giữ từ ngày 04/10/2024 đến ngày 07/10/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an T1. (Có mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ F, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn B (sinh năm 1980, HKTT: Tổ A, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai) và Nguyễn Công D, có mối quan hệ quen biết nhau và cùng làm việc tại Cảng hàng không P. Ngày 09/8/2022, D đến nhà ông B tại Tổ E, phường T, thành phố P, vay số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, ông B đồng ý; D đã viết cho ông B 01 giấy vay tiền và hẹn đến ngày 09/11/2022 sẽ trả. Đối với số tiền vay của ông B, D trả được số tiền gốc là 17.500.000 đồng và tiền lãi 7.500.000 đồng còn nợ lại số

tiền 82.500.000 đồng; sau đó, do làm ăn thất bại, dẫn đến D không có khả năng trả nợ cho ông B. Đến ngày 10/01/2023, D đã tự ý bỏ việc tại Cảng hàng không P rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 28/7/2023, ông B đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T1 và giao nộp 01 giấy vay tiền ngày 09/8/2022 có chữ viết, chữ ký của Nguyễn Công Dương

Qua giám định, tại Bản kết luận giám định số 846/KL-KTHS ngày 05/10/2023, kết luận:

" 1. Mẫu cần giám định:

01 "giấy vay tiền", ngày 09/8/2022, có chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Công D" (ký hiệu A).

2. Mẫu so sánh

01 "Đơn xin việc", ngày 20/7/2018, có chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Công D" (ký hiệu M1).

01 "Sơ yếu lý lịch tự thuật", ngày 20/7/2018, có chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Công D" (ký hiệu M2).

3. Kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Công D" dưới mục "người viết" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Công D trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký ra"

Ngày 04/10/2024, Nguyễn Công D bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bắt theo Quyết định truy nã số 17 ngày 29/11/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T1, tại Cơ quan điều tra D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án: Đối với 01 "giấy vay tiền", ngày 09/8/2022, có chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Công D", Cơ quan điều tra lưu trữ vào hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 25 tháng 12 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Công D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Công D mức án từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Công D đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận giám định số 846/KL – KTHS ngày 05/10/2023 của Phòng K, Công an tỉnh G có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của người khác, vào ngày 09/8/2022 tại nhà của ông Nguyễn Văn B ở Tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, sau khi vay được số tiền 82.500.000 đồng của ông B, Nguyễn Công D đã bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 04/10/2024, Nguyễn Công D bị bắt theo Quyết định truy nã.

Bị cáo Nguyễn Công D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của người khác chiếm đoạt tài sản trị giá 82.500.000 đồng rồi bỏ trốn do bị cáo Nguyễn Công D thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, giá trị tài sản bị cáo D đã chiếm đoạt là 82.500.000 đồng nên hành vi của bị cáo D đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng là "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000đồng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", hành vi của bị cáo được xác định là tội phạm nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Công D có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; được người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét

thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm trừng trị, giáo dục ý thức pháp luật, đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập với xã hội, thành người tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Công D đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự và đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo D. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[8] Vật chứng vụ án: Đối với 01 "giấy vay tiền", ngày 09/8/2022, có chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Công D", Cơ quan điều tra lưu trữ vào hồ sơ vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 1 (Một) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 04/10/2024.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Nguyễn Công D phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử

phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- Công an TP. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Đình Hoằng **Doãn Thị Lệ** **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Quách Đình Hoằng Doãn Thị L1	**Nguyễn Thị Hồng T**